

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/03/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên; Bà Dương Thị Kim Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 669/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị H, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Thôn K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người được chị H ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị Trịnh Thanh H1; Địa chỉ: Số H đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người được chị H ủy quyền giao, nhận văn bản và tham gia tố tụng đối với tranh chấp về nuôi con chung: Công ty L - Chi nhánh H2; Người đại diện: Anh Nguyễn Ngọc T – Phó trưởng chi nhánh; Địa chỉ: Số H đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1984; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt

*Người được anh T1 ủy quyền giao, nhận văn bản đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Đinh Trung V, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày*: Chị và anh Nguyễn Thành T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 08/4/2017. Sau khi kết hôn anh chị cùng sang Nhật Bản làm việc và sinh sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái, quản lý, chi tiêu kinh tế trong gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh T1 hay giao du với bạn bè, rượu chè say xỉn, không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con, đôi khi còn có hành vi bạo lực đối với chị. Do mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên tháng 12/2023 chị và anh T1 sống ly thân, từ đó vợ chồng không nói chuyện, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thành T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 07/03/2018. Khi cháu P được 5 tháng tuổi chị và anh T1 đã thống nhất gửi ông ngoại là ông Đinh Trung V chăm sóc. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Đinh T2 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo đơn đề nghị, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Thành T1 trình bày*: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 08/4/2017. Sau khi kết hôn vợ

chồng sang Nhật Bản làm việc, anh chị chung sống hạnh phúc đến khi sinh con thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc chăm sóc con chung, chị H không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến anh và có quan hệ tình cảm với người khác, anh nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Tháng 12/2023 chị H tự ý dọn ra ngoài sinh sống, nhiều lần anh tìm cách nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng đều bị chị H từ chối. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để hàn gắn tình cảm vì anh muốn con có mái ấm gia đình hoàn chỉnh. Còn nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giao con cho anh nuôi dưỡng.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 07/3/2018, hiện cháu P đang ở với ông bà ngoại. Anh đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Tiến C thay anh chăm sóc cháu P cho đến khi anh về nước.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang lao động tại Nhật Bản nên anh ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến C thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trung V trình bày:* Ông là bố đẻ chị Đinh Thị H. Sau khi vợ chồng chị H kết hôn thì cùng sang Nhật Bản làm việc. Quá trình chung sống anh chị hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 thường xuyên đưa bạn bè về nhà ăn uống say xỉn rồi bắt chị H phải phục vụ, anh T1 không tu chí làm ăn, không tôn trọng và có hành vi bạo lực với chị H. Ông nhiều lần lựa lời khuyên bảo để vợ chồng chị H chung sống hòa thuận nhưng anh T1 không thay đổi, đối với bố mẹ vợ anh T1 cũng có thái độ không tôn trọng. Về con chung: chị H, anh T1 có 1 con chung là cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 07/3/2018, cháu P ở với ông bà từ nhỏ. Chị H đề nghị được nuôi con và ủy quyền cho ông thay chị chăm sóc cháu P cho đến khi chị về nước, ông hoàn toàn nhất trí.

*Người được anh T1 ủy quyền giao, nhận văn bản đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến C trình bày:* Ông nhất trí nhận ủy quyền của anh T1, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho anh T1 biết. Anh T1 muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H để cháu Mai P có gia đình trọn vẹn. Tuy nhiên chị H cương quyết ly hôn, anh T1

đề nghị được nuôi cháu Mai P và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Trường hợp Tòa án giao cháu Mai P cho anh T1 nuôi dưỡng, ông nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P cho đến khi anh T1 về nước và ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định chị đã kết thúc hợp đồng lao động ở Nhật Bản và đã về Việt Nam sinh sống. Chị đề nghị được nuôi con chung và không cần phải ủy quyền cho ông Đinh Trung V thay chị chăm sóc cháu P nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trung V nhất trí quan điểm của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H ly hôn anh Nguyễn Thành T1; về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai P, sinh ngày 07/3/2018 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành T1 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện chị H không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho chị Trịnh Thanh H1 nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đã được Tổng lãnh sự quán C1 tại O - Nhật Bản chứng thực. Tại phiên tòa chị H có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Thành T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 08/4/2017 là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh T1 đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái, chi tiêu, quản lý kinh tế gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn anh T1. Anh T1 không nhất trí ly hôn nhưng cũng xác định anh đã tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H, anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 07/3/2018. Anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên xét thấy, sau khi sinh con, chị H và anh T1 đã gửi con về Việt Nam cho ông Đinh Trung V chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi con 5 tháng tuổi cho đến nay. Điều kiện về chỗ ở, môi trường sống đều đảm bảo, cháu Mai P khỏe mạnh, phát triển tốt. Hiện tại chị H đã kết thúc hợp đồng lao động ở Nhật Bản và trở về Việt Nam sinh sống. Chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh T1 hiện vẫn đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con. Như vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển thuận lợi của cháu Mai P, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Đinh Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H, xử cho chị Đinh Thị H ly hôn anh Nguyễn Thành T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 07/3/2018 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Thành T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị H không yêu cầu và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005405 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Trịnh Thanh H1 nộp thay). Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**( Đã ký )**

**Đoàn Thị Thu Thúy**